BỘ TƯ PHÁP **THANH TRA CHÍNH PHỦ**

VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT **VỤ PHÁP CHẾ**

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT KHIẾU NẠI

Ngày 11-11-2011, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII đã thông qua Luật khiếu nại. Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Lệnh công bố Luật khiếu nại và Luật có hiệu lực từ ngày 01-7-2012.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT KHIẾU NẠI

Luật khiếu nại, tố cáo ban hành năm 1998 và được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005 (sau đây gọi là Luật khiếu nại, tố cáo) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khiếu nại và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Thực hiện các quy định của Luật khiếu nại, tố cáo, các vụ việc khiếu nại đã được xem xét, giải quyết kịp thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Một là, cơ chế giải quyết khiếu nại chưa đảm bảo đầy đủ tính khách quan, công khai, dân chủ trong quá trình giải quyết; việc khởi kiện của người dân tại Toà án còn bị hạn chế; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại chưa cụ thể, rõ ràng, nhất là giải quyết khiếu nại lần đầu còn quá phức tạp, thời hạn giải quyết dài, chưa tạo thuận lợi cho công dân; chưa đề cao vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và của luật sư trong quá trình giải quyết khiếu nại; thiếu chế tài cụ thể trong việc xử lý trách nhiệm thực hiện công tác giải quyết khiếu nại; hiệu lực thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại chưa cao; chưa gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước trong việc tổ chức tiếp công dân. Bên cạnh đó, một số văn bản pháp luật hiện hành có quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại, nhất là trong lĩnh vực đất đai… còn có sự mâu thuẫn, chồng chéo, chưa tạo được thống nhất trong các quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại.

Hai là, trong những năm qua có nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước đã đề cập tới công tác giải quyết khiếu nại, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong cải cách hành chính nhà nước và phát huy quyền dân chủ của

nhân dân. Nghị quyết số 48/NQ-TW, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và định hướng năm 2020 đã nêu: *"hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo, bảo đảm mọi quyết định, hành vi hành chính trái pháp luật đều được phát hiện và có thể bị khởi kiện trước toà án; đổi mới thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo và thủ tục giải quyết các vụ án hành chính theo hướng công khai, đơn giản, thuận lợi cho dân, đồng thời đảm bảo tính thông suốt, hiệu quả của quản lý hành chính"*; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX của Đảng chỉ rõ: *"Khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân"*; Thông báo Kết luận số 130- TB/TW ngày 10/1/2008 của Bộ Chính trị về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới đã xác định: *"Đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, nhất là pháp luật về đất đai và khiếu nại, tố cáo…. Khẩn trương xây dựng và ban hành Luật khiếu nại và giải quyết khiếu nại, Luật Tố cáo và giải quyết tố cáo"*. Tuy nhiên, các chủ trương, quan điểm trên chưa được thể chế hóa đầy đủ trong pháp luật về khiếu nại.

Ba là, thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và định hướng năm 2020, ngày 21/11/2007 Quốc hội khóa XII đã ra Nghị quyết số 11/2007/QH12 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ khóa XII (2007-2011) và năm 2008, quyết định xây dựng Luật khiếu nại và đưa vào chương trình chuẩn bị; đồng thời ngày 17/6/2009, Quốc hội khóa XII có Nghị quyết số 31/2009/QH12 đã đưa dự án Luật khiếu nại vào chương trình chính thức để Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, dự kiến vào tháng 10/2010.

Từ những lý do trên, việc xây dựng và ban hành Luật khiếu nại là nhằm thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác giải quyết khiếu nại, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế hiện nay là yêu cầu khách quan và rất cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG LUẬT KHIẾU NẠI

Việc xây dựng Luật khiếu nại dựa trên những quan điểm và nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, quán triệt và cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, phù hợp với tiến trình cải cách nền hành chính nhà nước và cải cách công tác tư pháp hiện nay;

Thứ hai, Luật khiếu nại được xây dựng phải tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại, đề cao trách nhiệm của các

cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại và hiệu lực công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đời sống kinh tế, xã hội;

Thứ ba, xây dựng Luật khiếu nại phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại; kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật khiếu nại, tố cáo; thiết lập được trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đơn giản, nhanh chóng, công khai, minh bạch và có hiệu quả; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; phát huy quyền dân chủ của nhân dân;

Thứ tư, bảo đảm tính hợp Hiến, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khả năng thi hành của Luật khiếu nại; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài về giải quyết khiếu nại, các quy định của Luật khiếu nại không cản trở việc thực hiện Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LUẬT KHIẾU NẠI

Luật khiếu nại năm 2011 gồm 8 chương và 70 điều.

Chương I: Những quy định chung

Chương này gồm 6 điều, từ Điều 1 đến Điều 6, quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật khiếu nại; về giải thích từ ngữ; áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại; nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại; trách nhiệm giải quyết khiếu nại và phối hợp giải quyết khiếu nại và các hành vi bị nghiêm cấm.

Chương II: Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính

Chương này gồm có 10 điều, từ Điều 7 đến Điều 16, chia làm 2 mục. Mục 1 quy định về khiếu nại, gồm 5 điều, từ Điều 7 đến Điều 11, quy định về trình tự khiếu nại; hình thức khiếu nại; thời hiệu khiếu nại; rút khiếu nại; các khiếu nại không được thụ lý giải quyết.

Mục 2 quy định về quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại và của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, gồm 5 điều, từ Điều 12 đến Điều 16, quy định quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại; quyền, nghĩa vụ của người bị khiếu nại; quyền, nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần đầu; quyền, nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần hai; quyền, nghĩa vụ của luật sư, trợ giúp viên pháp lý.

Chương III: Giải quyết khiếu nại

Chương này gồm 19 điều, từ Điều 17 đến Điều 46, chia làm 4 mục.

Mục 1 quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại, gồm 10 điều, từ Điều

17 đến Điều 26, quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan thuộc Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện; thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương; thẩm quyền của Giám đốc Sở và cấp tương đương; thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ; thẩm quyền của Bộ trưởng; thẩm quyền của Tổng thanh tra Chính phủ; thẩm quyền của Chánh thanh tra các cấp; thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Mục 2 quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu, gồm 9 điều, từ Điều 27 đến Điều 35, quy định về thụ lý giải quyết khiếu nại; thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu; xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính; hồ sơ giải quyết khiếu nại và áp dụng biện pháp khẩn cấp.

Mục 3 quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai, gồm 8 điều, từ Điều 36 đến Điều 43, quy định về thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai; thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai; xác minh nội dung khiếu nại lần hai; tổ chức đối thoại lần hai; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại; khởi kiện vụ án hành chính và hồ sơ giải quyết khiếu nại lần hai.

Mục 4 quy định về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, gồm 3 điều, từ Điều 44 đến Điều 46, quy định về quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; người có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Chương IV: Khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức

Chương này gồm 12 điều, từ Điều 47 đến Điều 58, quy định về khiếu nại quyết định kỷ luật; thời hiệu khiếu nại; hình thức khiếu nại; thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại; thẩm quyền giải quyết khiếu nại; xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; giải quyết khiếu nại lần hai; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại, khởi kiện vụ án hành chính và thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật.

Chương V: Tiếp công dân

Chương này gồm 4 điều, từ Điều 59 đến Điều 62, quy định về trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân; quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo,

kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân; trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân.

Chương VI: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại

Chương này gồm 4 điều, từ Điều 63 đến Điều 66, quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại; trách nhiệm của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; trách nhiệm phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại; giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Chương VII: Xử lý vi phạm

Chương này có 02 điều, Điều 67 và Điều 68, quy định về xử lý hành vi phạm pháp luật của người giải quyết khiếu nại và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại đối với người khiếu nại và những người khác có liên quan.

Chương VIII: Điều khoản thi hành

Chương này có 02 điều, Điều 69 và Điều 70, quy định về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp và quy định chi tiết.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT KHIẾU NẠI

1. Về phạm vi điều chỉnh

Để cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp về quyền khiếu nại, kế thừa Luật khiếu nại, tố cáo hiện hành, Luật khiếu nại tiếp tục quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước; khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức; tiếp công dân; quản lý và giám sát công tác giải quyết khiếu nại. Như vậy, so với Luật khiếu nại, tố cáo hiện hành thì Luật khiếu nại đã quy định rõ hơn về phạm vi điều chỉnh.

Ngoài ra, để bảo đảm quyền khiếu nại của công dân được quy định tại Điều 74 của Hiến pháp và cũng phù hợp với Luật tố tụng hành chính vừa được Quốc hội ban hành, thực tiễn giải quyết khiếu nại hiện nay và kế thừa quy định của Luật khiếu nại, tố cáo hiện hành, Điều 3 Luật khiếu nại quy định về áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại, cụ thể như sau :

"1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được áp dụng theo quy định của Luật này.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

3. Căn cứ vào Luật này, cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hướng dẫn việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong cơ quan, tổ chức mình.

4. Căn cứ vào Luật này, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và các cơ quan khác của Nhà nước quy định việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong cơ quan mình.

5. Trường hợp luật khác có quy định khác về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thì áp dụng theo quy định của luật đó."

2. Khái niệm "Quyết định hành chính"

Theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo thì "quyết định hành chính" là quyết định bằng văn bản của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính.

Do quy định về việc giải thích thuật ngữ "quyết định hành chính" như trên của Luật khiếu nại, tố cáo, nên dẫn đến thực tế có nhiều cách hiểu khác nhau về "quyết định hành chính". Có ý kiến cho rằng quyết định hành chính phải là văn bản thể hiện dưới hình thức Quyết định do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước; các loại văn bản thể hiện dưới hình thức khác như kết luận, thông báo, công văn…thì không được coi là quyết định hành chính và không thuộc đối tượng được khiếu nại. Ý kiến khác lại cho rằng quyết định hành chính bao gồm cả văn bản thể hiện dưới hình thức Quyết định và văn bản thể hiện dưới hình thức khác do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành. Cũng có ý kiến cho rằng đối với văn bản của cơ quan nhà nước không được thể hiện dưới dạng hình thức Quyết định nhưng có chứa đựng nội dung quản lý hành chính nhà nước thì

không được coi là quyết định hành chính mà coi đó là hành vi hành chính. Từ các cách hiểu khác nhau này, nên việc thi hành trên thực tế là chưa được thống nhất.

Để khắc phục tồn tại này, cũng là phù hợp với Luật tố tụng hành chính, Luật khiếu nại đã quy định rất cụ thể về quyết định hành chính là đối tượng khiếu nại: "Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể " (Khoản 8 Điều 2).

3. Trình tự khiếu nại

Luật Khiếu nại, tố cáo quy định: khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì trong mọi trường hợp, người khiếu nại phải khiếu nại lần đầu với người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có cán bộ, công chức có hành vi hành chính. Quy định này đã hạn chế quyền được khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án của công dân.

Để khắc phục hạn chế trên, theo quy định của Luật thì khiếu nại lần đầu, người khiếu nại có quyền khiếu nại trực tiếp đến người có quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án, không nhất thiết phải khiếu nại với người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại như trước đây. Việc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án vẫn có thể thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình giải quyết khiếu nại (Điều 7).

Việc quy định trình tự khiếu nại như trên vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc lựa chọn các hình thức giải quyết khiếu kiện của mình, bảo đảm quyền tự sửa chữa của người có quyết định hành chính, hành vi hành chính khi bị khiếu nại, đồng thời tạo ra cơ chế giải quyết khiếu nại khách quan, dân chủ, kịp thời và hiệu quả hơn.

4. Khiếu nại nhiều người

Trên thực tế, tình trạng khiếu nại nhiều người diễn ra khá phổ biến, đòi hỏi Nhà nước xem xét, giải quyết để ổn định tình hình chính trị - xã hội. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc xử lý đối với loại khiếu nại này, Luật khiếu nại đã quy định mới về khiếu nại nhiều người, trong đó có các hình thức khiếu nại như nhiều người khiếu nại qua đơn, nhiều người đến khiếu nại trực tiếp, địa điểm để công dân thực hiện khiếu nại nhiều người và quyết định giải quyết khiếu nại nhiều người. Còn trình tự, thủ tục giải quyết đối với khiếu nại nhiều người vẫn tuân theo trình tự, thủ tục chung như giải quyết đối với từng người.

Khoản 4 Điều 8 quy định về hình thức khiếu nại nhiều người:

"4. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp nhiều người đến khiếu nại trực tiếp thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp và hướng dẫn người khiếu nại cử đại diện để trình bày nội dung khiếu nại; người tiếp nhận khiếu nại ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này. Việc tiếp nhiều người cùng khiếu nại thực hiện theo quy định tại Chương V của Luật này;

b) Trường hợp nhiều người khiếu nại bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, có chữ ký của những người khiếu nại và phải cử người đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết khiếu nại;

c) Chính phủ quy định chi tiết khoản này."

Khoản 5 Điều 8 và Khoản 4 Điều 60 quy định về người đại diện trong trường hợp khiếu nại nhiều người:

"5. Trường hợp khiếu nại được thực hiện thông qua người đại diện thì người đại diện phải là một trong những người khiếu nại, có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện và thực hiện khiếu nại theo quy định của Luật này"

"4. Cử đại diện để trình bày với người tiếp công dân trong trường hợp có nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo về một nội dung."

Khoản 3 Điều 31 quy định về quyết định giải quyết khiếu nại nhiều người:

" 3. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, kết luận nội dung khiếu nại và căn cứ vào kết luận đó để ra quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại."

5. Về các khiếu nại không được thụ lý giải quyết

Ngoài những khiếu nại không được thụ lý để giải quyết mà Luật khiếu nại, tố cáo đã quy định, Luật khiếu nại lần này đã bổ sung thêm một số trường hợp khiếu nại không được thụ lý để giải quyết, cụ thể:

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành

chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định.

- Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại.

- Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại.

Việc bổ sung quy định mới này nhằm thống nhất với Luật tố tụng hành chính và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

6. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại và của luật sư, trợ giúp viên pháp lý

Luật khiếu nại, tố cáo hiện hành đã có những quy định về quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, luật sư. Tuy nhiên, việc quy định này chưa tạo ra sự công bằng, khách quan, công khai, dân chủ, thiếu những quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, người đại diện hợp pháp của họ. Để khắc phục tình trạng này, trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại năm 2011 đã quy định cụ thể và đầy đủ hơn về quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại và của luật sư, bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Trợ giúp viên pháp lý.

6.1. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại

Đối với người khiếu nại, so với Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại đã quy định bổ sung người khiếu nại có thêm các quyền: được uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cua rmình. Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại. Người khiếu nại cũng được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước; được quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước; được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại (Điều 12).

6.2. Quyền, nghĩa vụ của người bị khiếu nại

Đối với người bị khiếu nại, so với Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại đã quy định bổ sung thêm người bị khiếu nại có quyền được biết, đọc, sao chụp, sao

chép các tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước; yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước. So với Luật khiếu nại, tố cáo hiện hành, thì Luật khiếu nại cũng đã bổ sung người bị khiếu nại có nghĩa vụ tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại; chấp hành quyết định xác minh nội dung khiếu nại của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

6.3. Quyền, nghĩa vụ của luật sư, Trợ giúp viên pháp lý

Đối với luật sư, trợ giúp viên pháp lý có quyền tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại theo đề nghị của người khiếu nại; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại khi được uỷ quyền; xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại và cung cấp chứng cứ cho người giải quyết khiếu nại; được nghiên cứu hồ sơ vụ việc, ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. Bên cạnh đó Luật cũng quy định luật sư, trợ giúp viên pháp lý tham gia giải quyết khiếu nại có nghĩa vụ xuất trình thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý và quyết định phân công trợ giúp pháp lý, giấy yêu cầu giúp đỡ về pháp luật hoặc giấy uỷ quyền của người khiếu nại; thực hiện đúng nội dung, phạm vi mà người khiếu nại đã uỷ quyền.

7. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

Kế thừa quy định của Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại tiếp tục quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc về người có quyết định hành chính, hành vi hành chính; khiếu nại lần hai do Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu giải quyết (từ Điều 17 đến Điều 26). Việc quy định giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc về người có quyết định hành chính, hành vi hành chính tạo điều kiện cho việc giải quyết khiếu nại được nhanh chóng, kịp thời. Vì hơn ai hết, người có quyết định, hành vi đó là người hiểu vụ việc và họ phải có trách nhiệm giải quyết nhanh chóng khiếu nại của công dân. Đồng thời, việc quy định như vậy tạo điều kiện cho người có quyết định hành chính, hành vi hành chính tự sửa chữa những sai sót trong quá trình giải quyết khiếu nại, tránh gây mất thời gian cho các cơ quan khác của nhà nước. Việc quy định Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người có quyết định hành chính, hành vi hành chính giải quyết lần hai đối với quyết định hành chính đã được người có quyết định hành chính, hành vi hành chính giải quyết lần đầu

còn khiếu nại tạo điều kiện cho việc giải quyết khiếu nại công khai, khách quan hơn.

So với Luật khiếu nại, tố cáo thì Luật khiếu nại đã có quy định mới về xác định rõ trách nhiệm giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ. Luật khiếu nại quy định Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình (Khoản 3 Điều 21); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình (Khoản 4 Điều 23); Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chỉ đạo, xử lý tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 26).

8. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại

Trên tinh thần quy định của Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại bổ sung một số quy định mới về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại cho phù hợp với thực tiễn theo hướng đơn giản, công khai, dân chủ, nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người khiếu nại. Luật khiếu nại đã làm rõ và bổ sung nhiều quy định mới về xác minh nội dung khiếu nại (Điều 29). Việc đối thoại là thủ tục trong quá trình giải quyết khiếu nại: đối với giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu và hướng giải quyết khiếu nại. Đối với giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại. Như vậy, Luật khiếu nại đã quy định đối với giải quyết khiếu nại lần đầu thì có thể đối thoại, còn đối với giải quyết khiếu nại lần hai thì bắt buộc phải đối thoại. Điểm này ngược lại với quy định trong Luật khiếu nại, tố cáo (Luật khiếu nại, tố cáo quy định đối với giải quyết khiếu nại lần đầu thì bắt buộc phải đối thoại, còn đối với giải quyết khiếu nại lần hai thì có thể đối thoại). Luật khiếu nại cũng quy định rõ, cụ thể về tổ chức đối thoại (Điều 30).

Luật khiếu nại quy định đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, nếu thấy cần thiết, người giải quyết khiếu nại lần hai thành lập Hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại. Để bảo đảm tính minh bạch trong giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải công bố công khai quyết định giải

quyết khiếu nại theo một hoặc một số hình thức công khai gồm: công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Đây chính là những điểm mới trong trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại.

9. Thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, bảo đảm cho các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh. So với Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại đã bổ sung Mục 4 tại Chương III về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Điều 44 Luật khiếu nại quy định về quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật:

"1. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

3. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay."

Luật xác định rõ những người có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật bao gồm: người giải quyết khiếu nại, người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Điều 46 Luật khiếu nại quy định cụ thể về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật đối với những người có trách nhiệm thi hành theo 03 nhóm đối tượng là người giải quyết khiếu nại; người khiếu nại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Các quy định mới này nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập, đồng thời bảo đảm tính khả thi trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, tăng cường trách nhiệm, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

10. Về khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức

Khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức là một loại khiếu nại, giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính nhưng là một loại khiếu nại, giải quyết khiếu nại đặc thù liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cán bộ, công chức nên cần có cơ chế giải quyết riêng trong Luật khiếu nại. Hơn nữa Luật cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với loại việc này.

Để tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, Luật khiếu nại tiếp tục quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức. Tuy nhiên, do đặc thù của nền hành chính, đòi hỏi việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức phải theo một trình tự, thủ tục phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý cán bộ, công chức. Vì vậy, Luật khiếu nại quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật do mình ban hành. Trường hợp còn khiếu nại tiếp thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức có thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, quy định Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn có khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Kế thừa Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại quy định thời hiệu khiếu nại đối với quyết định kỷ luật là 15 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định kỷ luật (đối với khiếu nại lần đầu); 10 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (đối với khiếu nại lần hai) và 30 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc)

So với Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại đã có quy định mới về xác minh nội dung khiếu nại đối với quyết định kỷ luật. Theo đó, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm trực tiếp hoặc phân công người có trách nhiệm kiểm tra lại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức bị khiếu nại, xem xét nội dung khiếu nại. Nếu xét thấy nội dung khiếu nại đã rõ thì yêu cầu Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức xem xét để đề nghị người có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp nội dung khiếu nại chưa được xác định rõ thì tự mình hoặc giao người có trách nhiệm xác minh, kết luận nội dung khiếu nại. Sau khi có kết

quả xác minh nội dung khiếu nại thì yêu cầu Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức xem xét để đề nghị người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Về tổ chức đối thoại, Luật khiếu nại quy định đối với giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, trước khi ra quyết định giải quyết khiếu nại đều phải tổ chức đối thoại với người khiếu nại.

Luật cũng đã quy định về hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật. Điều 57 quy định quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật gồm quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành. Khi quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật có hiệu lực pháp luật thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức làm việc có trách nhiệm công bố công khai quyết định giải quyết đến toàn thể cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đó; bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật (Điều 58)

11. Về quyền khởi kiện vụ án hành chính

Trên cơ sở quy định mới của Luật tố tụng hành chính về quyền khởi kiện vụ án hành chính, để bảo đảm thống nhất trong hệ thống pháp luật, Luật khiếu nại quy định về quyền khởi kiện vụ án hành chính. Đây chính là quy định mới của Luật khiếu nại theo quy định mới của Luật tố tụng hành chính. Cá nhân, cơ quan, tổ chức nếu không đồng ý với quyết định hành chính, hành vi hành chính thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính ra Toà án, không đặt ra điều kiện phải khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu rồi mới có quyền khởi kiện ra Toà án như quy định của Luật khiếu nại, tố cáo. Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức lựa chọn việc khiếu nại tại cơ quan hành chính thì khi hết thời hạn giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng họ không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) thì họ vẫn có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án. Đối với công chức giữ chức vụ từ Tổng cục trưởng và tương đương trở xuống bị kỷ luật buộc thôi việc mà không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc hoặc hết thời hạn giải quyết theo Luật quy định mà không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo Luật tố tụng hành chính.

12. Việc tổ chức tiếp công dân

Công dân đến trình bày không phân biệt loại việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và thực tế cho thấy chỉ phân loại được nội dung vụ việc của công dân sau khi đã tiếp nhận, nghiên cứu sơ bộ bước đầu đơn của công dân. Trong khi chờ xây dựng một văn bản pháp luật riêng về công tác tiếp công dân thì vẫn cần thiết quy định về tổ chức tiếp công dân trong Luật khiếu nại. Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại dành một chương quy định về tổ chức tiếp công dân. Theo đó, Luật quy định trụ sở tiếp công dân của Đảng và Nhà nước được tổ chức ở trung ương và địa phương để tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Địa điểm tiếp công dân là nơi tiếp công dân do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bố trí để tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật. Luật quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân; xác định rõ quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân; trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân.

Nhằm bảo đảm việc tiếp công dân có hiệu quả cũng như góp phần thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, Luật khiếu nại quy định tiếp công dân không chỉ tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo mà còn cả các kiến nghị, phản ánh nói chung. Luật khiếu nại cũng quy định cán bộ tiếp công dân có quyền từ chối tiếp trong các trường hợp: Người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về vụ việc đã được kiểm tra xem xét và đã có quyết định hoặc kết luận giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và đã được trả lời đầy đủ; người vi phạm quy chế tiếp công dân.

Gắn việc tiếp công dân của thủ trưởng với việc xem xét, chỉ đạo, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, Luật khiếu nại đã quy định: Người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo của người có trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đây chính là những điểm mới của Luật khiếu nại về tổ chức tiếp công dân.

13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại

Luật khiếu nại tiếp tục quy định Chính phủ thống nhất quản lý về công tác giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi cả nước và giao cho Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện

quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại. Các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại trong phạm vi quản lý của mình. Cơ quan thanh tra của các bộ, ngành và địa phương chịu trách nhiệm và giúp các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác giải quyết khiếu nại (Điều 63). Đồng thời quy định trách nhiệm của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giải quyết khiếu nại; việc phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại.

14. Xử lý vi phạm

Để các quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện nghiêm túc, khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc xử lý vi phạm về khiếu nại và giải quyết khiếu nại, Luật khiếu nại tiếp tục quy định việc xử lý vi phạm thành một chương riêng. Theo đó, người giải quyết khiếu nại, người khiếu nại và những người khác có liên quan nếu có một trong các hành vi quy định tại điều cấm của Luật hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luậ.

Ngoài những vấn đề trên, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Luật khiếu nại đã lược bỏ việc giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, giám sát của thanh tra nhân dân, quy định về khen thưởng vì những vấn đề này đã được điều chỉnh trong Luật giám sát, Luật thanh tra, Luật thi đua, khen thưởng.

V.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thi hành Luật khiếu nại, cần triển khai các hoạt động sau đây:

1. Các cơ quan có thẩm quyền khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung của Luật khiếu nại trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân nhằm đưa các quy định của Luật đi vào cuộc sống, nâng cao ý thức, trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các quy định của Luật, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng của Luật trong việc bảo vệ trật tự quản lý hành chính nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức./.